

**DANH SÁCH TÀI KHOẢN ĐÓNG VÀ CHƯA CÓ TÀI KHOẢN**

TT	Mã SV	HO VA TEN	Mã khoa	Lớp	Tổng phải thu kỳ này	TÀI KHOẢN CŨ	GHI CHÚ
1	13020084	NGUYEN VIET DUNG	K13HDHCQ	K58CNTT	1,556,000	21,510,001,418,124	TK ĐÓNG
2	14020723	PHAN VAN UOC	K14HDHCQ	K59CHKT	3,058,000	21,510,001,503,330	TK ĐÓNG
3	15022455	NGUYEN THANH LAN	K15HDHCQ	K60CHKT	5,004,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
4	15021262	VU VAN HOANH	K15HDHCQ	K60CĐT	4,726,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
5	15021988	LE VAN LOI	K15HDHCQ	K60KHMT-NVCL	2,502,000	21,510,001,690,834	TK ĐÓNG
6	15022544	DO XUAN DUNG	K15HDHCQ	K60VLKT	6,394,000	21,510,001,684,819	TK ĐÓNG
7	16020330	NGUYEN VAN DAI	K16HDHCQ	K61CHKT	13,584,000	21,510,001,936,909	TK ĐÓNG
8	16020491	NGUYEN DANG TUAN	K16HDHCQ	K61CHKT	5,004,000	21,510,001,975,513	TK ĐÓNG
9	16022484	DINH MINH HAI	K16HDHCQ	K61CHKT	5,004,000	21,510,002,080,632	TK ĐÓNG
10	16022488	TRAN MANH LINH	K16HDHCQ	K61CHKT	5,004,000	21,510,002,082,373	TK ĐÓNG
11	16022318	NGUYEN DUC BINH	K16HDHCQ	K61CHKT	5,004,000	21,510,002,082,452	TK ĐÓNG
12	16022319	NGUYEN CHI CONG	K16HDHCQ	K61CHKT	5,282,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
13	16021024	LE QUANG LINH	K16HDHCQ	K61CNTT	3,892,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
14	16020281	TRAN XUAN THANH	K16HDHCQ	K61KHMT	5,560,000	21,510,002,081,857	TK ĐÓNG
15	16022498	VU THI THANH HA	K16HDHCQ	K61TT-MMT	6,950,000	21,510,002,082,267	TK ĐÓNG
16	16020815	NGUYEN TAT TUAN	K16HDHCQ	K61ĐTVT	3,614,000	21,510,001,695,954	TK ĐÓNG
17	17021169	NGUYEN DUY THUC	K17HDHCQ	K62CNNB	4,726,000	21,510,002,323,434	TK ĐÓNG
18	17020017	TRAN TUAN DAT	K17HDHCQ	K62CNNB	12,266,000	21,510,002,313,408	TK ĐÓNG
19	17020691	DUONG MINH DUC	K17HDHCQ	K62CNTT	7,089,000	21,510,002,318,607	TK ĐÓNG
20	17020738	LE VAN HIEU	K17HDHCQ	K62CNTT	4,726,000	21,510,002,317,400	TK ĐÓNG
21	17020883	TA VAN MANH	K17HDHCQ	K62CNTT	5,004,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
22	17020982	NGUYEN VAN QUANG	K17HDHCQ	K62CNTT	4,448,000	21,510,002,320,790	TK ĐÓNG
23	17021104	NGUYEN ANH TUAN	K17HDHCQ	K62CNTT	1,009,200	21,510,002,324,330	TK ĐÓNG
24	17020006	PHAM TUNG DUONG	K17HDHCQ	K62CNTT	13,036,000	21,510,002,319,345	TK ĐÓNG
25	17020191	NGO QUANG DUONG	K17HDHCQ	K62CNTT	1,668,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
26	17020555	LUONG QUOC DAT	K17HDHCQ	K62CNXD-GT	7,854,000	21,510,002,315,839	TK ĐÓNG
27	17020558	DAU LE PHU	K17HDHCQ	K62CNXD-GT	9,437,000	21,510,002,314,650	TK ĐÓNG
28	17020278	HOANG VIET HA	K17HDHCQ	K62CĐT	4,726,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
29	17020343	PHAM DANG KHOA	K17HDHCQ	K62CĐT	4,448,000	21,510,002,320,091	TK ĐÓNG
30	17020469	HOANG VAN TUYEN	K17HDHCQ	K62CĐT	5,560,000	21,510,002,318,041	TK ĐÓNG
31	17020070	NGUYEN DINH BACH	K17HDHCQ	K62KTMT	4,232,000	21,510,002,323,984	TK ĐÓNG
32	17021411	PHAM DUY HOANG	K17HDHCQ	K62VLKT	10,114,000	21,510,002,319,983	TK ĐÓNG
33	17021426	DAM NHAT LE	K17HDHCQ	K62VLKT	15,031,000	21,510,002,315,130	TK ĐÓNG
34	18020437	TRAN BAO HA	K18HDHCQ	K63CHKT	2,170,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
35	18021026	MAI THANH PHUONG	K18HDHCQ	K63CNTT	2,448,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
36	18020280	LE TIEN DAT	K18HDHCQ	K63KTCĐT	2,170,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
37	18021441	PHAM HUY VU	K18HDHCQ	K63VLKT	2,726,000	#N/A	CHƯA CÓ TK
38	18020484	VU CHI HIEU	K18HDHXXH	K63KHMT-CLC	12,500,000	#N/A	CHƯA CÓ TK